

Số: 24/2021/QĐST-HNGĐ

TN, ngày 04 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Đ CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện là chị Trần Thị Mai N đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đ chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 436/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: Chia tài sản chung sau khi ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai N;

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: VEN 23-04, khu đô thị VINHOMES IMPERIA Hải Phòng, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Giáp;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Doãn và bà Bùi Thị Huệ; địa chỉ: Thôn Đ, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

2. Hậu quả của việc Đ chỉ giải quyết vụ án:

Người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định.

Trả lại cho chị Trần Thị Mai N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002039 ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Ninh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định Đ chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc Đ chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp Đ chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc Đ chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

